

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Khổng tử, P. Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3896 0240 - Fax: (08) 3896 0241

Website: [www.capnuocthuduc.vn](http://www.capnuocthuduc.vn)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
**NĂM 2012**

Tp.HCM, Ngày 03 tháng 4 năm 2013

# MỤC LỤC

<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	3
I. Thông tin tổng quát .....	3
II. Quá trình hình thành và phát triển. ....	3
2.1 Quá trình thành lập .....	3
2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần .....	3
2.3 Niêm yết chứng khoán .....	4
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh .....	4
3.2 Địa bàn kinh doanh .....	5
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	5
4.1 Mô hình quản trị.....	5
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
V. Định hướng phát triển.....	6
5.1 Các mục tiêu chủ yếu .....	6
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	6
5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.....	6
<b>PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012</b> .....	7
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 .....	7
II. Tổ chức nhân sự.....	7
2.1 Danh sách Ban điều hành.....	7
2.2 Tóm tắt lý lịch Ban điều hành .....	8
2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành .....	9
2.4 Số lượng CBCNV .....	9
2.5 Chính sách đối với người lao động .....	9
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án .....	10
IV. Tình hình tài chính .....	11
4.1 Tình hình tài chính .....	11
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	11
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	12
5.1 Cổ phần .....	12
5.2 Cơ cấu cổ đông.....	12
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	12
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ .....	12

5.5 Các chứng khoán khác .....	12
<b>PHẦN III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	13
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	13
1.1 Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu .....	13
1.2 Những tiến bộ đã đạt được .....	19
II. Tình hình tài chính .....	19
2.1 Tình hình tài sản.....	19
2.2 Tình hình nợ phải trả.....	19
III. Kế hoạch phát triển năm 2013.....	20
<b>PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT</b> .....	22
I. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2012.....	22
1.1 Sản lượng nước tiêu thụ .....	22
1.2 Tổng doanh thu .....	22
1.3 Lợi nhuận sau thuế .....	22
1.4 Công tác đầu tư XD CB .....	23
II. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc .....	23
III. Định hướng của HĐQT .....	23
<b>PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	24
I. Hội đồng quản trị .....	24
1.1 Thành viên và cơ cấu .....	24
1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	24
1.3 Hoạt động của HĐQT .....	24
1.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành .....	25
1.5 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị .....	25
II. Ban Kiểm soát.....	26
2.1 Thành viên và cơ cấu .....	26
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát.....	26
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý.....	27
3.1 Các khoản lương, thù lao của HĐQT.....	27
3.2 Các khoản lương, thù lao của Ban kiểm soát.....	28
3.3 Các khoản lương, thù lao của Ban Giám đốc và Cán bộ quản lý .....	28
3.4 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	29
3.5 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ .....	29
<b>PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2012</b> .....	30

# PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

## I. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.**
- Tên tiếng Anh: **Thu Duc Water Supply Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Thu Duc Wasuco.J.S.C**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: (08) 3896 2040.
- Fax: (08) 3896 0241.
- Website: [www.capnuocthuduc.vn](http://www.capnuocthuduc.vn)
- Mã chứng khoán: TDW

## II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

### 2.1 Quá trình thành lập:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức có lịch sử hình thành như sau:

Ngày 31/07/1992 Sở Giao thông Công chánh thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định 202/QĐ-TCNTL về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa;

Ngày 12/01/2005, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký Quyết định số 012/QĐ-CN-TCLĐTL về việc đổi tên Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa thành Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức;

Ngày 31/8/2005 Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký quyết định 65/QĐ-TCT-TC về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn;

### 2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 30/12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 6662/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/02/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

### **2.3 Niêm yết chứng khoán.**

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã tiến hành niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định 206/QĐ-SGDHCM ngày 17/09/2010, cụ thể như sau:

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
- Tên tiếng Anh: Thu Duc Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Thu Duc Wasuco.J.S.C
- Trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- GCNĐKKD: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007.
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDW
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu (tám triệu năm trăm nghìn).
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE: 11/11/2010.

## **III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH:**

### **3.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn).
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).
- Xây dựng công trình cấp nước.

- lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

### 3.2 Địa bàn kinh doanh

- Khu vực Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức và một phần tỉnh Bình Dương.

## IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

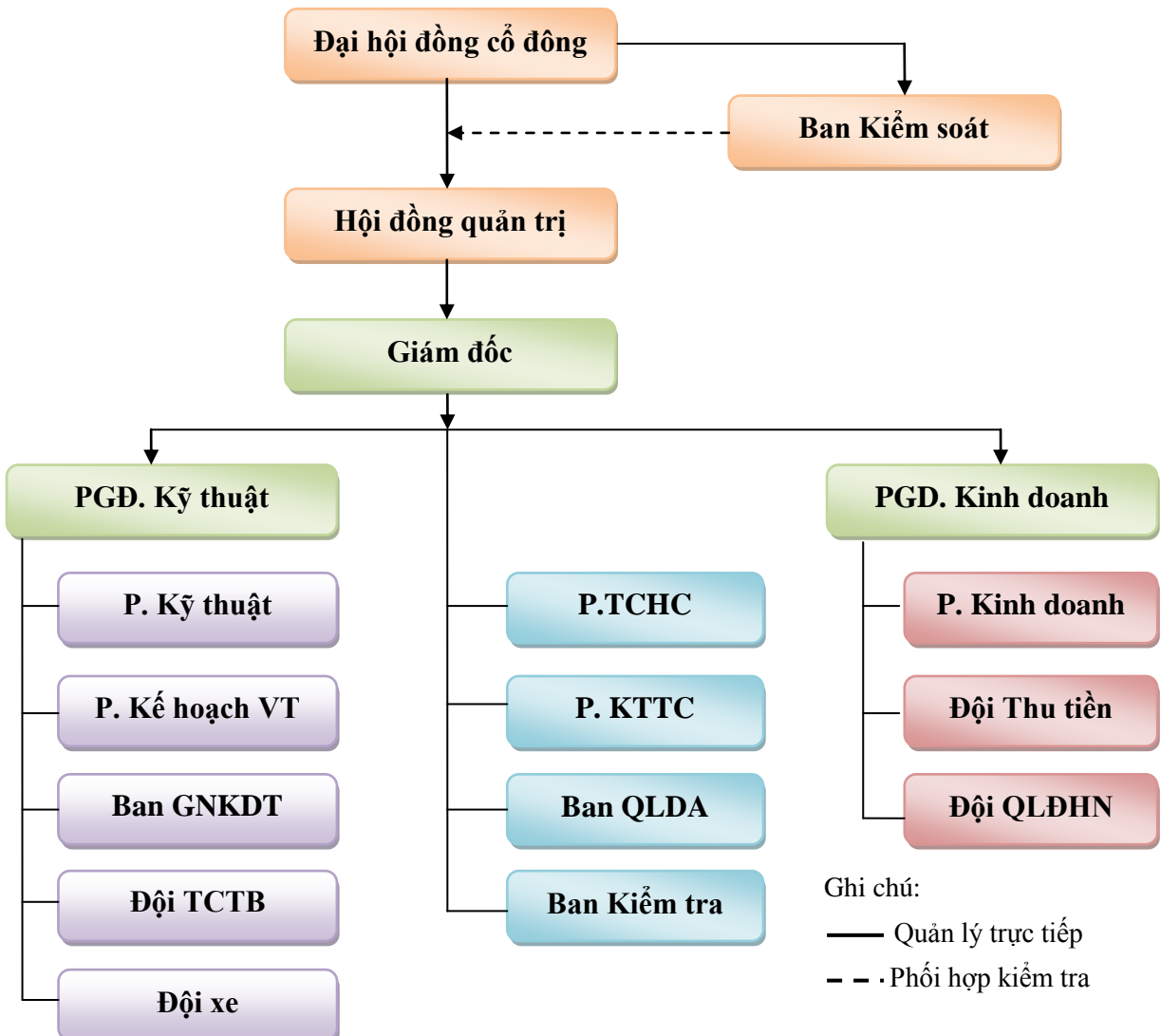
### 4.1 Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban Kiểm soát;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành (đứng đầu là Giám đốc).

### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc.



## V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp;
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng trưởng lợi nhuận;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

### 5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành cấp nước, để đạt được mục tiêu đã đề ra, Công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn chú trọng đến khách hàng tiềm năng tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

- Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;
- Tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
- Tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng;
- Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
- Phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

### 5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức sẽ tiếp tục duy trì công tác từ thiện, góp phần chăm lo cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

# PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Kết quả thực hiện:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tỷ lệ so KH (%)
<b>A. KINH DOANH :</b>					
1. Nước cung cấp	1000m <sup>3</sup>	39.999	41.800	42.879	102,58
2. Doanh thu tiền nước	tr.đồng	305.668	336.474	356.769	106,03
3. Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,03	99	99,32	100,32
4. Gắn mới đồng hồ nước	cái	12.549	9.000	9.230	102,56
5. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	10.957	11.000	11.294	102,67
6. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	40	20	38	190,00
7. Dời đồng hồ nước	cái	689		754	
8. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	81,56	83,08	83,11	100,04
9. Tỷ lệ thất thoát nước	%	28,51		25,59%	
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>					
1. Phát triển mạng lưới cấp nước:					
- Số lượng dự án	dự án	22	30	30	100,00
- Khối lượng đường ống	mét	83.427	48.423	51.030	105,38
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	75.337	48.792	56.406	115,61
2. Cải tạo mạng lưới cấp nước:					
- Số lượng dự án	dự án	10	15	15	100,00
- Khối lượng đường ống	mét	14.401	20.916	13.354	63,85*
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	23.864	32.100	24.558	76,50

## II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 2.1 Danh sách Ban điều hành

- Nguyễn Xuân Cầu – Giám đốc
- Nguyễn Hoài Nam – Phó giám đốc
- Lâm Tứ Duy – Phó giám đốc
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Kế toán trưởng.



## 2.2 Tóm tắt lý lịch Ban điều hành.

### ▪ Nguyễn Xuân Cầu

- Chức vụ: Giám đốc.
- Năm sinh: 13/10/1954. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Lầu 1, số 8 Bà Huyện Thanh Quan, P6, Q3, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân Luật.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: 3.400.
- Cổ phần đại diện TCTy Cấp nước Sài Gòn: 1.083.750 (12,75%)

### ▪ Nguyễn Hoài Nam

- Chức vụ: Phó Giám đốc.
- Năm sinh: 11/11/1973. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 18/9 đường 8, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Kỹ sư Cấp thoát nước.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: không
- Cổ phần đại diện TCTy Cấp nước Sài Gòn: 1.083.750 (12,75%)

### ▪ Lâm Tứ Duy

- Chức vụ: Phó Giám đốc.
- Năm sinh: 04/7/1977. Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: 10/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Trung Chánh, Hóc Môn, Tp.HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ Kỹ thuật.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: không
- Cổ phần đại diện: không.

### ▪ Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

- Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Năm sinh: 02/6/1970. Giới tính: Nữ.

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 105/13 đường 8, Kp3 phường Linh Trung, quận Thủ Đức
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Cổ phần sở hữu của bản thân: không.
- Cổ phần đại diện: không.

### **2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành**

- Trong phiên họp đầu tiên của HĐQT nhiệm kỳ II ngày 18/4/2012, ông Huỳnh Tuấn Anh – TV.HĐQT kiêm Phó Giám đốc Kinh doanh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT (chuyên trách), do đó thôi giữ chức vụ Phó giám đốc Kinh doanh.
- Ngày 09/7/2012, Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Lâm Tú Duy giữ chức vụ Phó giám đốc Kinh doanh.

### **2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên**

- Tổng số cán bộ, nhân viên: 322 người, trong đó:
- Trên đại học: 02 người.
- Đại học: 02 người.
- Cao đẳng, trình cấp: 79 người.
- Lao động phổ thông: 169 người.

### **2.5 Chính sách đối với người lao động:**

#### **2.5.1 Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học; đối với lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

#### **2.5.2 Chính sách đạo tạo:**

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

### 2.5.3 Chính sách lương, thưởng:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước. Đối với lao động trong công ty được xếp theo thang bảng lương của Nhà nước tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài chế độ lương cơ bản, người lao động còn được hưởng lương năng suất theo đơn giá tiền lương đã được Ban giám đốc phê duyệt.

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, vào các dịp phát động phong trào thi đua, lễ, tết, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất, kỹ luật để khen thưởng.

### 2.5.4 Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Công ty luôn quan tâm đến phúc lợi của người lao động, như đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, Lãnh đạo công ty cùng Ban chấp hành công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Các ngày Trung thu, ngày Một tháng Sáu, công ty cũng tặng quà cho con em CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng Quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh để hỗ trợ cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc và có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức các chuyến đi du lịch, nghỉ dưỡng cho CBCNV.
- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV theo đúng quy định.

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

### 3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2012, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã triển khai thực hiện nhiều dự án phát triển mạng lưới cấp nước và sửa chữa ống mục, trong đó một số dự án lớn có vốn đầu tư trên 8 tỷ đồng gồm:

Stt	Tên công trình	Quy mô (mét ống)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Phát triển mạng lưới cấp nước Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức	Ø250: 117 Ø280: 3.534	10,449

Stt	Tên công trình	Quy mô (mét ống)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
2	Phát triển mạng lưới cấp nước Khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức	Ø100: 1.125 Ø150: 9.773	10,316

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: không có.

## IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	333.330.850.169	323.921.819.446	- 2,82
Doanh thu thuần	314.633.115.034	363.580.967.620	+ 15,56
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.408.838.299	23.806.016.247	+ 6,23
Lợi nhuận khác	2.461.872.064	2.059.157.036	- 16,36
Lợi nhuận trước thuế	24.870.710.363	25.865.173.283	+ 3,99
Lợi nhuận sau thuế	21.084.111.843	20.332.619.411	- 3,56
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	57,61%	52,65%	- 8,61

### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<b>1. Khả năng thanh toán nhanh (lần)</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLD/Nợ ngắn hạn</i>	1,39	1,19	
- Hệ số thanh toán nhanh: <i>(TSLD- hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>	1,22	1,05	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,64	0,61	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,81	1,58	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân</i>	17,68	19,06	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,94	1,12	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	6,70	5,59	

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	17,78	16,22	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,33	6,28	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,17	5,25	

## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

### 5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 15/03/2013 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/3/2013 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam cung cấp).

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Cổ đông lớn	7.735.000	91,00
2	Cổ đông nhỏ	765.000	9,00
3	Cổ đông là cá nhân	575.912	6,78
	<i>Cá nhân trong nước</i>	<i>541.402</i>	<i>6,37</i>
	<i>Cá nhân nước ngoài</i>	<i>34.510</i>	<i>0,41</i>
4	Cổ đông là tổ chức	7.924.088	93,22
	<i>Tổ chức trong nước</i>	<i>5.260.178</i>	<i>61,88</i>
	<i>Tổ chức nước ngoài</i>	<i>2.663.910</i>	<i>31,34</i>
5	Cổ đông nhà nước	4.335.000	51,00
6	Cổ đông khác	4.165.000	49,00

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

# PHẦN III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1.1 Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu.

Năm 2012 là năm đánh dấu mốc thời gian 05 năm chuyển đổi mô hình hoạt động từ đơn vị nhà nước sang công ty cổ phần, đồng thời cũng là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh do các yếu tố biến động giá thị trường, thiếu nguồn vốn để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước... Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

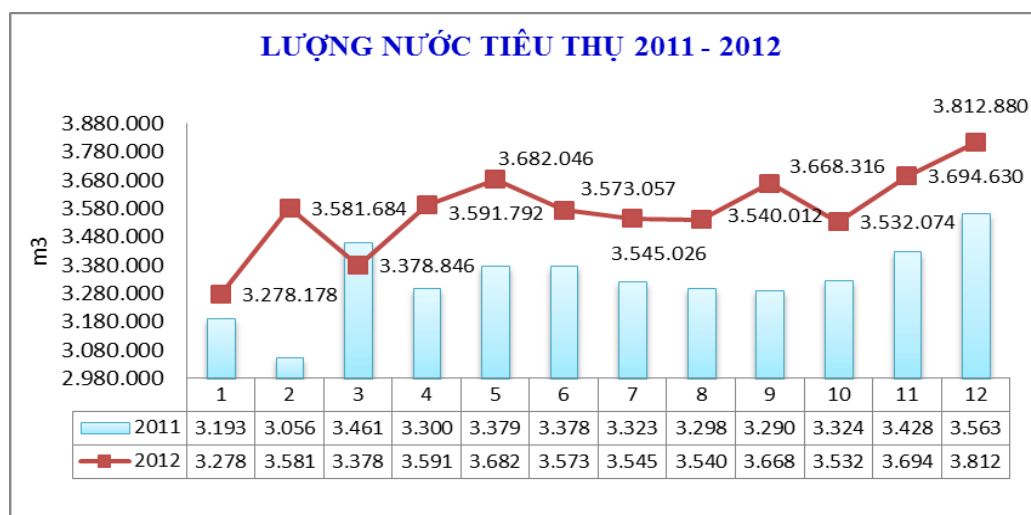
#### 1.1.1. Sản lượng nước cung cấp:

Sản lượng nước cung cấp năm 2012 đạt 42.878.541 m<sup>3</sup>, bằng 102,58 % so với kế hoạch năm, tăng 2,88 triệu m<sup>3</sup> bằng 107,2% so với năm 2011. Để đạt được kết quả đáng khích lệ này là có sự đóng góp rất lớn từ công tác phát triển mạng cấp 3, gắn mới đồng hồ nước, tăng áp cho phường Hiệp Bình Chánh (thực hiện đấu nối tuyến ống 1500 - 500 ngã tư QL13 – Kha Vạn Cân, thay nguồn Tân Hiệp bằng nguồn Thủ Đức) và xoá vùng trắng Linh Xuân trong năm 2011.

Trong năm 2012 khách hàng đã đầu tư 11.326 m ống cái góp phần không nhỏ trong việc phủ kín mạng lưới cấp nước, nâng tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch và sản lượng nước cung cấp của Công ty.

Ngoài ra một số dự án mạng cấp 2 của Tổng Công ty đã phát huy hiệu quả cải thiện tình hình cung cấp nước trên địa bàn quản lý như dự án QL13 từ ngã tư Bình Phước tới cầu Ông Dầu (Ø 500) và dự án Xa lộ Đại Hàn từ chợ đầu mối tới Kha Vạn Cân.

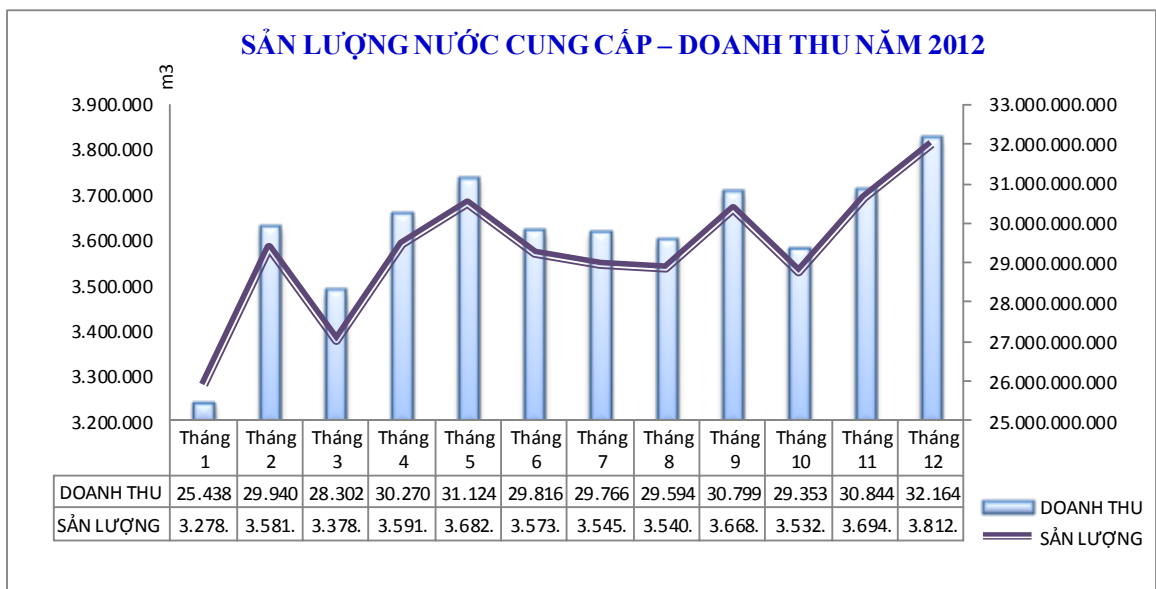
Công ty cũng đã điều phối cung cấp nước bằng xe bồn đến các hộ dân tại khu vực phường Hiệp Bình Phước, Linh Trung, khu Đại học Quốc Gia – quận Thủ Đức và Tân Phú, Hiệp Phú, Tăng Nhơn Phú A – Quận 9 với tổng số 225.123 m<sup>3</sup>.



1.1.2. Doanh thu và tỷ lệ thực thu:

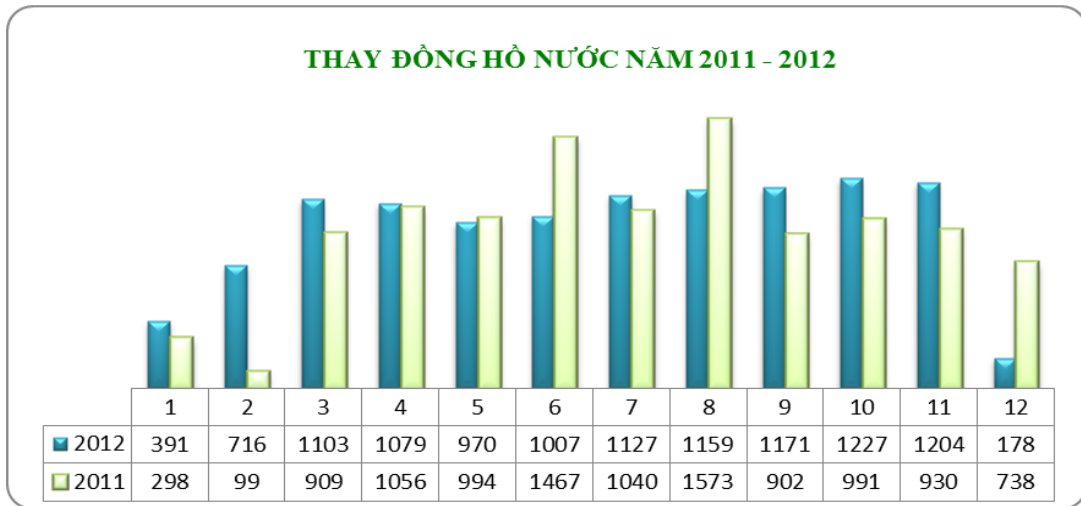
Năm 2012, doanh thu tiền nước thực hiện đạt 356.768.874.640 đồng bằng 106,03% so với kế hoạch năm, tăng 51,1 tỷ, bằng 116,72% so với năm 2011. Doanh thu tiền nước tăng do điều chỉnh giá bán theo lộ trình tăng giá nước đã được UBND TP phê duyệt cùng với sản lượng nước và giá bán bình quân đều tăng lần lượt là 7,2% và 9% so với năm 2011.

Với sự nỗ lực rất lớn của tập thể đội Thu tiền cùng với việc nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ các phòng, ban, đội như: đội Quản lý đồng hồ nước, Ban Kiểm tra, phòng Kinh doanh, đội TCTB... giúp cho công tác thực thu năm 2012 đạt 99,32%. Trong năm 2012 Công ty cũng đã thực hiện sắp xếp lại phiên lộ trình nhằm tăng năng suất trong công tác đọc số và thu tiền; dự kiến áp dụng ngay từ đầu năm 2013.



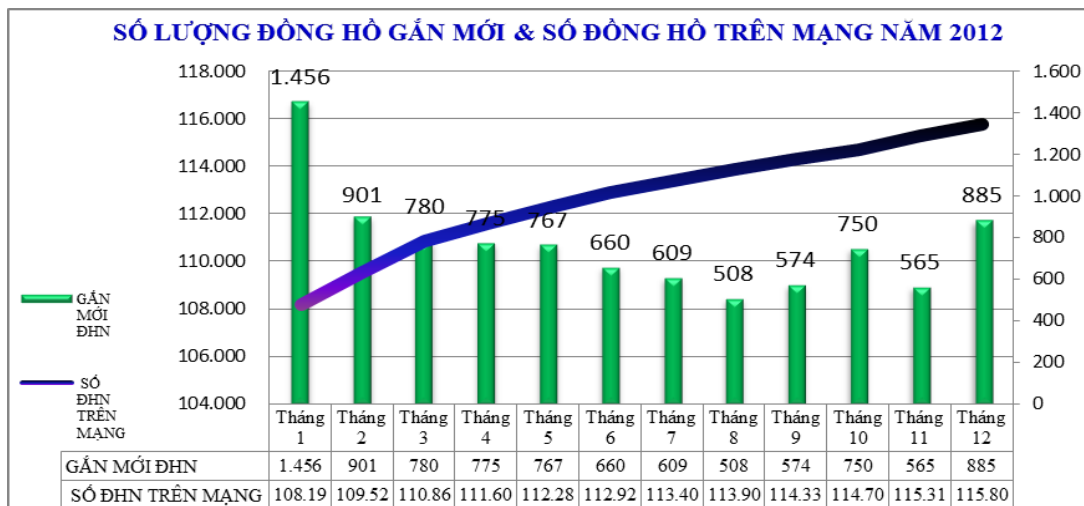
1.1.3. Thay đồng hồ nước:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu thay đồng hồ nước cỡ nhỏ là 11.294 cái, đạt 102,67 % kế hoạch năm, thay đồng hồ nước cỡ lớn là 38 cái, đạt 190 % kế hoạch năm. Trong hai tháng đầu năm do nghỉ lễ tết, dài ngày nên khối lượng thay đồng hồ nước đạt thấp. Công tác thay đồng hồ nước của Đội thi công tu bổ, kết hợp với công tác kiểm tra sản lượng nước tiêu thụ thực tế của các đồng hồ cỡ lớn của Ban kiểm tra để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần không nhỏ trong công tác giảm nước thất thoát, thất thu chung của của cả Công ty.



**1.1.4. Gắn mới đồng hồ nước:**

Phần đầu hoàn thành kế hoạch được giao, Công ty đã tập trung khai thác những khách hàng còn lại trên các khu vực đã có mạng lưới hiện hữu cùng với các khu vực phủ kín mạng lưới do khách hàng đầu tư và Công ty đầu tư; Đồng thời trong tháng 12 khi 05 dự án phát triển mạng lưới cấp nước của phường Hiệp Bình Phước được nghiệm thu, Công ty đã tập trung gắn đồng hồ nước trong ngày, Với nỗ lực đó Công ty đã gắn được 9.230 đồng hồ nước, đạt 102,56% kế hoạch năm 2012.



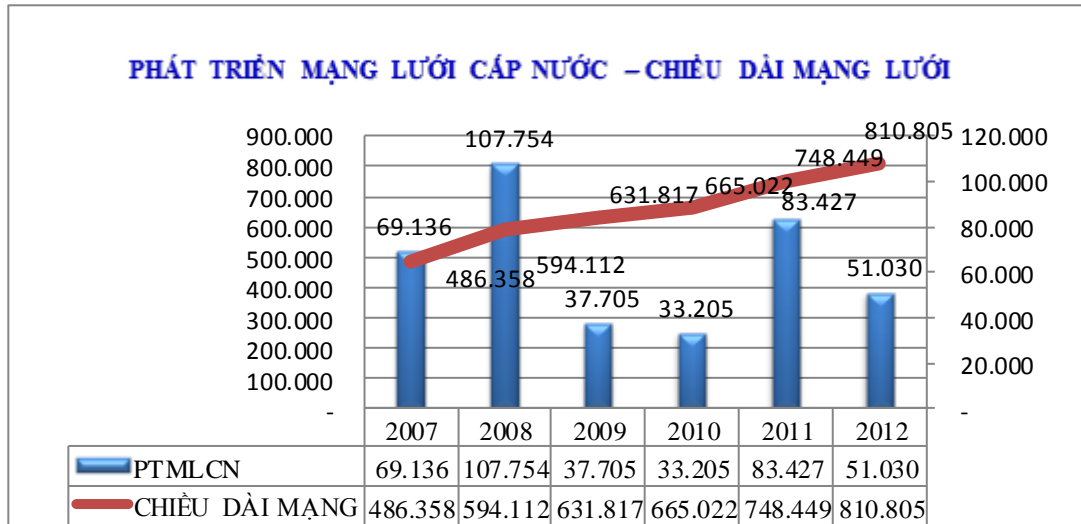
**1.1.5. Phát triển mạng lưới cấp nước:**

Có thể nói việc đẩy mạnh công tác PTMLCN tại những khu vực có mật độ dân cư đông đúc và nguồn nước ngầm không thể tiếp tục sử dụng được như phường Hiệp Bình Phước sẽ cơ bản giải quyết những bức xúc của người dân trong khu vực trên cũng như góp phần nâng cao đáng kể sản lượng nước tiêu thụ của Công ty.

Ngay từ đầu năm Ban lãnh đạo đã lường trước được những khó khăn trong khâu thực hiện đầu tư do không cân đối được nguồn vốn. Nên Công ty đã chủ động thực hiện trước một bước các công tác chuẩn bị đầu tư. Tuy nhiên đến cuối tháng 9/2012 Công ty mới nhận được chấp thuận chủ trương cho vay vốn phát triển mạng của



Tổng Công ty và công tác triển khai thi công chỉ bắt đầu vào tháng 10, tháng 11. Để vượt qua những khó khăn khách quan Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị tư vấn, thi công đã áp dụng nhiều hình thức lựa chọn nhà thầu nhằm đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án như; Chuẩn bị từ trước hồ sơ thiết kế, dự toán..., thi công theo phương án chia thành nhiều nhóm thi công, khởi công đồng thời, sử dụng nhiều đội thi công liên tục 3 ca. Đến nay Công ty đã đạt và vượt chỉ tiêu phát triển mạng lưới cấp nước năm 2012 với 30 dự án, trong đó có 8 dự án khởi công mới và 22 dự án chuyển tiếp. Với khối lượng 51.030m đạt 105,38 % kế hoạch năm.

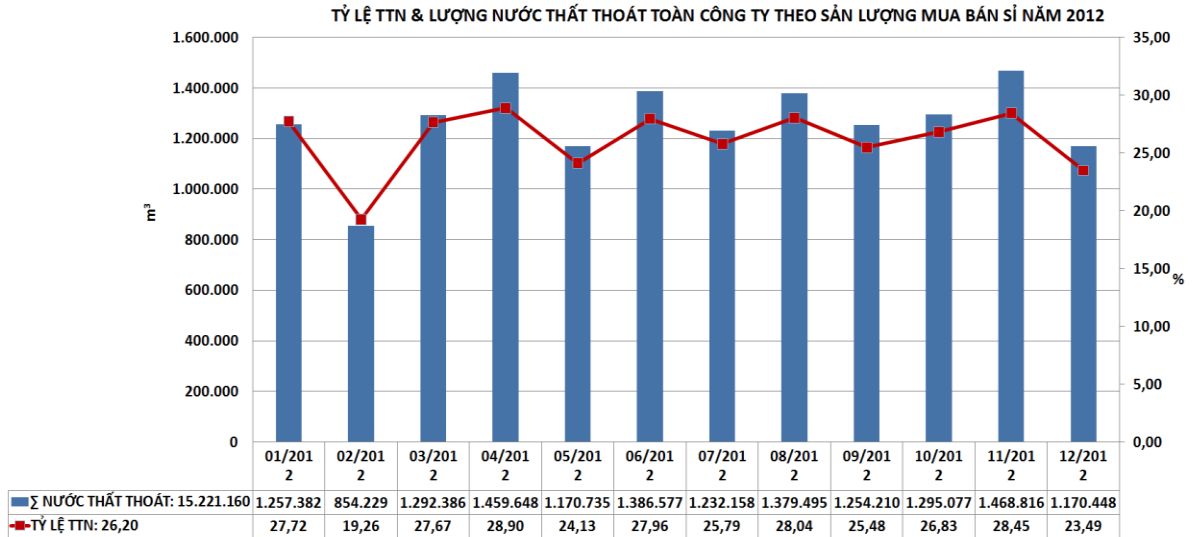


#### 1.1.6. Cải tạo mạng lưới cấp nước:

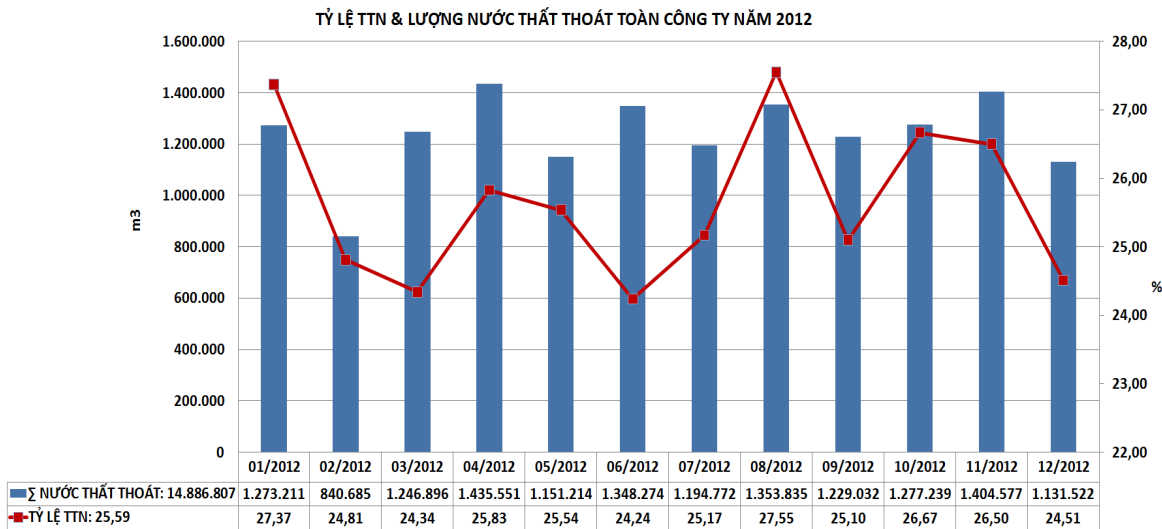
Năm 2012, Công ty đã triển khai thi công lắp đặt 13.354 mét ống cấp nước thay thế cho các tuyến ống cũ mục với tổng kinh phí đầu tư 24 tỷ đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty gặp nhiều khó khăn vì vướng thủ tục cấp phép đào đường, vướng các công trình hạ tầng kỹ thuật và một số tuyến ống cấp nước không thỏa thuận được hướng lắp đặt, do đó mặc dù về số lượng dự án triển khai thực hiện trong năm, Công ty đã hoàn thành 100% dự án theo kế hoạch nhưng về khối lượng đường ống được cải tạo thì chỉ đạt 63,85% khối lượng kế hoạch.

#### 1.1.7. Công tác Giảm nước không doanh thu

Tỷ lệ TTN (thất thoát nước) theo sản lượng mua bán sỉ của Công ty trung bình năm 2012 là 26,02% (tỷ lệ này được tính dựa vào tổng lượng nước cấp vào và lượng nước tiêu thụ theo hóa đơn khách hàng)



Tỷ lệ thất thoát nước (TTN) của Công ty trung bình năm 2012 là 25,59% giảm 2,92% so với tỷ lệ TTN trung bình năm 2011 là 28,51%.



- Tổng lượng nước thất thoát của Công ty năm 2012 là 14.886.255 m<sup>3</sup> giảm 1.108.414 m<sup>3</sup> so với năm 2011 là 15.994.669 m<sup>3</sup>.
- Tổng lượng nước tiết kiệm qua công tác sửa bể ngầm năm 2012: 371.153 m<sup>3</sup>.
- Tỷ lệ thất thoát nước trung bình năm 2012 giảm 2,92% so với Tỷ lệ TTN trung bình năm 2011: đạt kế hoạch giảm nước thất thoát năm 2012 (giảm từ 1÷2%).
- Tỷ lệ TTN các tháng cuối năm 2012 có xu hướng tăng trong các kỳ 10,11/2012 và giảm lại vào kỳ 12/2012. Nhận định do một số nguyên nhân chính sau:
- Công tác phân vùng, tách mạng thực hiện chậm: tổng số khu vực thực hiện giảm nước thất thoát thất thu (GNTTTT) trong năm 2012 là 13 khu vực (tăng 02 khu vực so với cuối năm 2011) không đạt kế hoạch GNTTTT 2012 đề ra là 20 khu vực. Dẫn tới việc không thể nhân rộng vùng thực hiện GNTTTT có chiều sâu.

- Số lượng xì bễ trên toàn Công ty tăng mạnh: Trong năm 2012, trên toàn địa bàn Công ty có nhiều khu vực giải tỏa, rất nhiều công trình thi công hạ tầng trong & ngoài ngành nước gây xì bễ nhiều, tác động xấu đến mạng lưới cấp nước của công ty. Hầu hết các khu vực này nằm ngoài 13 vùng GNTTTT, chưa có Caretaker quản lý.
- Sản lượng tiêu thụ của khách hàng có xu hướng giảm: mặc dù tổng sản lượng tiêu thụ toàn công ty năm 2012 tăng. Tuy nhiên bình quân tiêu thụ của từng đồng hồ nước giảm, khả năng do việc phủ kín mạng lưới tại các khu vực như Phường Linh Xuân, Hiệp Bình Phước, ... có tiêu thụ thấp làm kéo giảm tiêu thụ bình quân từng đồng hồ nước.
- Tỷ lệ TTN tại 13 khu vực đồng hồ tổng triển khai chương trình giảm nước thất thoát thất thu giảm mạnh do việc thực hiện có chiều sâu các công tác dò tìm rò rỉ, cải tạo ống, cũ... dựa trên mô hình nhân viên quản lý địa bàn, kết quả thể hiện qua tổng lượng nước thất thoát tại 13 khu vực ĐHT giảm mạnh.

#### 1.2.8. Công tác xã hội – từ thiện

Trong năm 2012, Công ty đã ủng hộ 185.745.000 đồng cho hoạt động xã hội, từ thiện để góp phần cùng chính quyền địa phương chăm lo gia đình chính sách, neo đơn... Cụ thể ủng hộ cho các chương trình sau:

- Quỹ vì người nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán do phường Bình Thọ, quận Thủ Đức phát động.
- Gia đình chính sách neo đơn do quận Thủ Đức phát động.
- Trẻ em khuyết tật, người già neo đơn.
- Mua vé xem nghệ thuật của CLB Công an hưu trí Tp.HCM.
- Trái tim nghĩa tình
- Giúp đỡ ông Nguyễn Đức Chương – CBCNV mắc bệnh nan y.
- Quỹ vì người nghèo huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.
- Xây cầu Ngọn Cật, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Phong trào Đền ơn đáp nghĩa nhân ngày Thương binh Liệt sĩ do phường Bình Thọ, quận Thủ Đức phát động
- Nhận nuôi dưỡng thương binh Lý Minh Hùng tại Quận 9.
- Xây nhà tình nghĩa cho bà Nguyễn Thị Chôm tại Hóc Môn
- Phát quà Tết Trung thu cho các em tại Làng Thiếu niên, quận Thủ Đức
- Ủng hộ Bộ đội Sư đoàn 5 kết nghĩa tại Tây Ninh.

## 1.2. Những tiến bộ đã đạt được:

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hòa giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.

Trong giai đoạn 2007 - 2012, qua quá trình nỗ lực, quyết tâm cao của lãnh đạo và tập thể CB.CNV, Công ty đã không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống CB.CNV. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 2.1 Tình hình tài sản

Tổng tài sản giảm 9,4 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 5 tỷ đồng, tài sản dài hạn giảm 14,4 tỷ đồng (phần lớn do chuyển trả các tài sản cố định là mạng lưới cấp nước và các công trình xây dựng cơ bản dở dang do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn THNN MTV làm chủ đầu tư đây giao cho Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức quản lý và sử dụng)

Tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA)

$ROA = \text{Thu nhập trước thuế và lãi vay} / \text{tổng tài sản trung bình}$

- Năm nay = 8,88%
- Năm trước: 8,98%.

Vòng quay tổng tài sản =  $\text{Doanh thu thuần} / \text{tổng tài sản trung bình}$

- Năm nay: 1,11 lần
- Năm trước: 0,995 lần.

### 2.2 Tình hình nợ phải trả

Hiện tại, Tổng nợ phải trả giảm 6,1 tỷ đồng trong đó nợ ngắn hạn tăng 16,4 tỷ, nợ dài hạn giảm 32 tỷ đồng phần lớn do tài sản nhận bàn giao từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn như đã đề cập tại điểm 2.1 trên.

Tỷ số nợ trên tổng vốn:

Nợ trên tổng vốn = Tổng nợ / Tổng vốn

- Năm nay: 61,31%
- Năm trước: 64,43%

Tỷ số nợ trên vốn cổ phần

Nợ trên vốn cổ phần = Tổng nợ / Tổng vốn cổ phần

- Năm nay: 2,34 lần.
- Năm trước: 2,53 lần

### III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2013

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngoài việc kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty còn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị là cung cấp nước sạch, góp phần cải thiện đời sống an sinh xã hội cho nhân dân, do đó mục tiêu chính của Công ty là nâng cao tỷ lệ người dân được cấp nước sạch. Để thực hiện được mục tiêu này, trong năm 2013 Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung liên quan làm tiền đề cho sự phát triển khách hàng tại địa bàn do công ty quản lý.

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2012, Công ty định hướng kế hoạch thực hiện năm 2013 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Ghi chú
<b>I. KẾ HOẠCH SXKD</b>				
<b>A. KINH DOANH :</b>				
1. Nước cung cấp	1000m <sup>3</sup>	42.879	45.000	
2. Doanh thu tiền nước	tr.đồng	356.769	408.475	
3. Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99,32	99	
4. Gắn mới đồng hồ nước	cái	9.230	9.000	
5. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	11.294	14.000	
6. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	38	30	
7. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	83,11	86,5	
8. Tỷ lệ thất thoát nước	%	25,59	Giảm 1,5%	So năm 2012
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>				
1. Phát triển mạng lưới cấp nước:				
- Số lượng dự án	dự án	30	08	
- Khối lượng đường ống	mét	51.030	45.740	
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	56.406	75.600	

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Ghi chú
<b>Trong đó: Đầu tư từ nguồn vốn của Công ty gồm:</b>				
- Số lượng dự án:	dự án		01	
- Khối lượng đường ống	mét		5.000	
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng		6.000	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiến độ triển khai thực hiện các dự án còn lại (ngoài dự án sử dụng nguồn vốn của Công ty) phụ thuộc vào nguồn đầu tư và nguồn vốn vay từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn.</li> </ul>				
<b>2. Sửa chữa ống mục:</b>				
- Số lượng dự án	dự án	15	04	
- Khối lượng đường ống	mét	13.354	12.485	
- Kinh phí đầu tư	tr.đồng	24.558	22.700	
<b>3. Công tác giảm nước thất thoát:</b>				
- Lắp đặt hàm và ĐHT	cái		9	
- Kinh phí đầu tư lắp đặt ĐHT	tr.đồng		4.000	
- Mua sắm trang thiết bị	tr.đồng		988	
4. Xây mới, sửa chữa, nâng cấp một số phòng làm việc bị xuống cấp	tr.đồng		6.500	Diện tích xây dựng khoảng 920 m <sup>2</sup>
5. Trang bị thiết bị đọc số cầm tay	tr.đồng		3.000	
<b>II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>				
1. Tổng doanh thu	tr.đồng	374.081	420.975	
2. Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	25.865	26.930	
1. Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	20.333	21.454	
3. Tỷ lệ cổ tức	%	12	12	
4. Tổng số lao động (định biên)	người	322	342	
5. Quỹ lương CBCNV (Đã bao gồm tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách)	tr.đồng	37.314	42.629	
6. Thu nhập bình quân (người/tháng)	tr.đồng	9,998	10,700	

## PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã triển khai nhiều giải pháp có hiệu quả nhằm ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch, cụ thể như sau:

#### 1.1 Sản lượng nước tiêu thụ

Lượng nước tiêu thụ thực hiện 42.853.267 m<sup>3</sup>, tăng 2,52% so với kế hoạch năm 2012 và tăng 7,14% so với thực hiện năm 2011.

Để đạt được kết quả trên, Công ty đã có nhiều giải pháp để phát triển khách hàng, trong đó giảm thủ tục hành chính trong công tác gắn mới đồng hồ nước, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch bằng biện pháp thực hiện gắn đồng hồ nước miễn phí và gắn nhanh trong ngày.

#### 1.2 Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện 374,081 tỷ đồng, tăng 5,65% so với kế hoạch năm và tăng 14,26% so với năm 2011, trong đó:

- Hoạt động kinh doanh nước sạch: Doanh thu thực hiện 357,158 tỷ đồng, tăng 5,96% so với kế hoạch, và tăng 16,51% so với năm 2011.
- Hoạt động gắn ống nhánh: Doanh thu thực hiện 6,294 tỷ đồng, tăng 4,9% so với kế hoạch và bằng 77,92% so với năm 2011.
- Hoạt động tài chính: Doanh thu thực hiện 8,047% tỷ đồng, tăng 0,58% kế hoạch. Năm 2012, do Nhà nước điều tiết lãi suất ngân hàng nên doanh thu từ hoạt động tài chính tăng không đáng kể và chỉ bằng 83,2% so với năm 2011.
- Hoạt động khác: Doanh thu thực hiện 2,583 tỷ đồng đạt 86,09% so với kế hoạch và bằng 83,97% so với năm 2011.

#### 1.3 Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thực hiện 20,33 tỷ đồng tăng 2,87% so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 96,44% so với năm 2011, nguyên nhân là do trong năm 2012 thuế Thu nhập doanh nghiệp tăng theo chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế.

- Năm 2011, thuế TNDN hoạt động chính là 20% được giảm 50% nên Công ty chỉ nộp 10% thuế trên tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính.
- Năm 2012, thuế TNDN phải nộp là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính.

## 1.4 Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Năm 2012 Công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn nên công tác xây dựng cơ bản trong những tháng đầu năm còn chậm. Tuy nhiên, sau khi cân đối nguồn vốn và được sự hỗ trợ vốn vay từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn, Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước và sửa chữa ống mục, góp phần phát triển khách hàng, tăng sản lượng doanh thu cho đơn vị.

Kết quả thực hiện trong năm:

- Phát triển mạng lưới cấp nước: 51.030 mét với kinh phí đầu tư 56,406 tỷ đồng
- Sửa chữa ống mục: 13.354 mét với kinh phí đầu tư 24,558 tỷ đồng

## II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.

Mặc dù trong năm 2012, Công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, nhưng Ban Giám đốc đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, nhất là trong những tháng cuối năm Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý.

## III. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty có nhiều lợi thế trong việc phục vụ cấp nước khách hàng, địa bàn phục vụ của công ty có vị trí gần Nhà máy nước Thủ Đức, do là khu vực đầu nguồn nên nguồn cung cấp ổn định, chất lượng nước luôn đạt các tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, hiện nay địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức có tốc độ đô thị hóa rất cao, nhiều nhà máy, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư... được xây dựng, nhiều khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố Hồ Chí Minh, do đó nhu cầu sử dụng nước trong tương lai là rất lớn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có, Công ty sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

- Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước.
- Nâng cao các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước.
- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.



# PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

## I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1.1 Thành viên và cơ cấu

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần năm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>NHIỆM KỲ I (Kết thúc nhiệm kỳ vào ngày 18/4/2012)</b>							
1	Bùi Sĩ Hoàng	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Không điều hành
2	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	3.400	1.087.150	12,79	Điều hành
3	Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT kiêm PGĐ	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Điều hành
4	Nguyễn Đức Tiến	TV.HĐQT	1.083.750	3.200	1.086.950	12,79	Không điều hành
5	Nguyễn Thị Thúy Nương	TV.HĐQT		25.000	25.000	0,29	Không điều hành
<b>NHIỆM KỲ II (Bắt đầu nhiệm kỳ ngày 18/4/2013)</b>							
1	Huỳnh Tuấn Anh	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Chuyên trách
2	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	3.400	1087.150	12,79	Điều hành
3	Nguyễn Việt Cường	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
4	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Không điều hành
5	Trịnh Tuấn Minh	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
6	Nguyễn Hoài Nam	TV.HĐQT kiêm PGĐ	1.083.750		1.083.750	12,75	Điều hành

### 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp và ban hành 11 Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	15/02/2012	- Thông qua ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2012. - Nộp bổ sung thuế TNDN năm 2010
2	05/NQ-HĐQT	20/3/2012	- Thông qua chương trình nghị sự ĐHCĐ 2012. - Phương án phân phối lợi nhuận 2011

Stt	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			trình ĐHĐCĐ.
			- Thông qua chủ trương HĐQT đề cử người tham gia BKS nhiệm kỳ II trong trường hợp cổ đông không đề cử đủ người theo quy định.
			- Thông qua Kế hoạch tài chính 2012.
3	018/NQ-HĐQT	18/4/2012	- Thông qua nhân sự HĐQT, Ban điều hành, Kế toán trưởng
4	025/NQ-HĐQT	23/4/2012	- Thông qua chi trả cổ tức năm 2011.
5	026/QĐ-HĐQT	19/4/2012	- Quyết định sửa đổi Điều lệ công ty.
6	028/NQ-HĐQT	18/5/2012	- Thông qua Báo cáo tài chính quý I/2012. - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2012.
7	031/NQ-HĐQT	29/6/2012	- Thông qua việc giao Giám đốc Công ty ký Quyết định chuyển xếp lương của Chủ tịch HĐQT.
8	034/NQ-HĐQT	06/7/2012	- Bổ nhiệm PGĐ Kinh doanh
9	037/NQ-HĐQT	25/7/2012	- Thông qua chủ trương thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước cấp 3) với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn.
10	039/NQ-HĐQT	14/8/2012	- Thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm. - Thông qua BCTC bán niên soát xét. - Ủy quyền Giám đốc ký các quyết định đầu tư dự án và Hợp đồng vay vốn có giá trị không được vượt quá 20% vốn điều lệ.
11	041/NQ-HĐQT	26/10/2012	- Thông qua kết quả hoạt động 9 tháng. - Thống nhất hoàn trả khoản chi phí khấu hao tài sản thuộc phần giá trị vốn Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn đầu tư từ 31/12/2011 trở về trước

#### 1.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, và đóng góp ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động Công ty.

#### 1.5 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Các thành viên HĐQT Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

## II. BAN KIỂM SOÁT

### 2.1 Thành viên và cơ cấu

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %
<b>NHIỆM KỲ I (Kết thúc nhiệm kỳ vào ngày 18/4/2012)</b>						
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Quách Trọng Lượng	Thành viên	-	-	-	-
3	Trần Thị Nhị Hà	Thành viên	-	-	-	-
<b>NHIỆM KỲ I (Bắt đầu nhiệm kỳ vào ngày 18/4/2012)</b>						
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Quách Trọng Lượng	Thành viên	-	-	-	-
3	Hoàng Thanh Bình	Thành viên	-	-	-	-

### 2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng và nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh từng quý, báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính năm của công ty, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; ...

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2012, Ban kiểm soát (nhiệm kỳ I và II) đã tổ chức 4 phiên họp và đã thống nhất thông qua các nội dung sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
1	01/BB-BKS	01/3/2012	- Nguồn vốn đầu tư phát triển MLCN năm 2011, 2012. - Hợp đồng thuê tài sản hoạt động với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
2	02/BB-BKS	16/5/2012	- Báo cáo tài chính quý I/2012. - Đề xuất đơn vị kiểm toán BCTC
3	03/BB-BKS	13/8/2012	- Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm. - BCTC bán niên 2012 đã được soát xét.
4	04/BB-BKS	23/10/2012	- Kết quả hoạt động 9 tháng.

### III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

#### 3.1 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch (BDH)	Ghi chú
<b>A. NHIỆM KỲ I (Kết thúc nhiệm kỳ vào ngày 18/4/2012)</b>						
1	Bùi Sĩ Hoàng	CT.HĐQT	-	12.250.000	45.512.540	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao.
2	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT kiêm GD	408.043.570	36.000.000	33.100.029	Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 25%
3	Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT kiêm PGĐ	371.995.562	40.250.000	28.962.526	Giữ chức vụ CT.HĐQT chuyên trách từ ngày 18/4/2012. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 20%.
4	Nguyễn Đức Tiến	TV.HĐQT	229.436.432	10.500.000	24.825.022	Là CBCNV Công ty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 15%
5	Nguyễn Thị Thúy Nương	TV.HĐQT	228.413.076	10.500.000	24.825.022	Là CBCNV Công ty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 15%

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch (BDH)	Ghi chú
<b>B. NHIỆM KỲ II (Bắt đầu nhiệm kỳ vào ngày 18/4/2012)</b>						
1	Huỳnh Tuấn Anh	CT.HĐQT	-	-	-	Xem mục A (NK I)
2	Nguyễn Xuân Cầu	TV.HĐQT kiêm GD	-	-	-	Xem mục A (NK I)
3	Nguyễn Việt Cường	TV.HĐQT	-	25.500.000	-	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao
4	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT	-	25.500.000	-	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao
5	Trịnh Tuấn Minh	TV.HĐQT	-	25.500.000	-	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao
6	Nguyễn Hoài Nam	TV.HĐQT kiêm PGĐ	294.699.888	25.500.000	24.825.022	Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 20%

### 3.2 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Ban Kiểm soát

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch (BDH)	Ghi chú
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	-	23.750.000	16.650.016	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao
2	Quách Trọng Lượng	TV.BKS	-	18.000.000	8.325.008	Không là CBCNV của Công ty. Công ty chỉ trả thù lao
3	Hoàng Thanh Bình	TV.BKS	163.600.351	12.750.000	-	Là CBCNV Cty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 15%
4	Trần Thị Nhị Hà	TV.BKS	133.209.825	5.250.000	5.550.005	Kết thúc NK I ngày 18/4/2012. Là CB.CNV Công ty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 10%

### 3.3 Các khoản lương, thưởng, thù lao của Ban giám đốc và cán bộ quản lý

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch (BDH)	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Cầu	Giám đốc	-	-	-	Xem mục A (NKI)
2	Nguyễn Hoài Nam	PGĐ	-	-	-	Xem mục B (NKII)
3	Lâm Tứ Duy	PGĐ	100.859.364	-	-	Bỏ nhiệm tháng 7/2012. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN.

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch (BDH)	Ghi chú
4	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	302.971.699	-	16.650.016	Là CBCNV Cty. Thu nhập trên chưa trừ thuế TNCN 20%

3.4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

3.5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Stt	Nội dung	Đơn vị ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch (12 Hợp đồng)	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	239.592.805.919
2	Hợp đồng vay vốn (05 Hợp đồng)	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	26.770.668.810
3	Hợp đồng chuyển nhượng vật tư chuyên ngành nước (02 Hợp đồng)	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	578.536.385

3.6 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

**PHẦN VI** | **BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012**  
**ĐÃ KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Tuấn Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 18/04/2012)
Ông Bùi Sĩ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 18/04/2012)
Ông Nguyễn Xuân Cầu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 18/04/2012)
Ông Nguyễn Văn Dụ	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 18/04/2012)
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 18/04/2012)
Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 18/04/2012)
Ông Nguyễn Đức Tiến	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 18/04/2012)
Bà Nguyễn Thị Thúy Nương	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 18/04/2012)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Xuân Cầu	Giám đốc
Ông Lâm Tứ Duy	Phó Giám đốc Kinh doanh
Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Giám đốc Kỹ thuật

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Nguyễn Xuân Cầu**  
**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Số. 07 /2013/UHYHCM-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức*

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 08 tháng 03 năm 2013, trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Tô Thị Thanh Nga**  
Phó Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013*

**Phạm Thị Kim Nga**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1609/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>106.291.861.911</b>	<b>101.205.818.091</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>12.069.272.197</b>	<b>12.169.726.244</b>
Tiền	111		12.069.272.197	12.169.726.244
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>61.000.000.000</b>	<b>61.082.434.611</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.869.487.709</b>	<b>12.211.085.522</b>
Phải thu khách hàng	131		4.926.787.011	4.728.757.114
Trả trước cho người bán	132		7.339.985.602	3.908.151.978
Các khoản phải thu khác	135	6	6.966.726.699	4.234.880.825
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.364.011.603)	(660.704.395)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>13.067.364.474</b>	<b>12.282.130.716</b>
Hàng tồn kho	141		13.106.285.599	12.282.130.716
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(38.921.125)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.285.737.531</b>	<b>3.460.440.998</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.076.437.531	1.064.577.630
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	209.300.000	2.395.863.368
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>217.629.957.535</b>	<b>232.125.032.078</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>217.564.148.444</b>	<b>231.984.032.078</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	172.759.461.911	168.173.870.150
- Nguyên giá	222		348.492.365.438	325.399.706.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.732.903.527)	(157.225.836.493)
Tài sản cố định vô hình	227	11	54.402.148	81.735.484
- Nguyên giá	228		158.390.510	158.390.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.988.362)	(76.655.026)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	44.750.284.385	63.728.426.444
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>65.809.091</b>	<b>141.000.000</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	9.809.091	92.000.000
Tài sản dài hạn khác	268		56.000.000	49.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>323.921.819.446</b>	<b>333.330.850.169</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>198.588.909.973</b>	<b>214.766.607.041</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.142.036.455</b>	<b>72.706.150.757</b>
Phải trả người bán	312		27.143.327.504	16.247.731.881
Người mua trả tiền trước	313		2.425.310.151	17.524.322.247
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.878.323.413	2.870.308.869
Phải trả người lao động	315		9.592.375.324	8.481.011.465
Chi phí phải trả	316	14	309.145.302	16.951.971.639
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	46.299.356.445	9.034.482.691
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.494.198.316	1.596.321.965
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>109.446.873.518</b>	<b>142.060.456.284</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		7.451.867.726	-
Phải trả dài hạn khác	333	16	55.391.795.753	87.089.466.715
Vay và nợ dài hạn	334	17	46.603.210.039	54.406.310.893
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	564.678.676
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>125.332.909.473</b>	<b>118.564.243.128</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>125.332.909.473</b>	<b>118.564.243.128</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		14.792.631.775	11.463.518.360
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.166.210.238	4.395.708.624
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.374.067.460	17.705.016.144
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>323.921.819.446</b>	<b>333.330.850.169</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
Tài sản thuê ngoài (*)			18.698.035.830	-

(\*) Thuê tài sản hoạt động theo Hợp đồng số 4183/HĐ-TCT-KTTC ngày 28/12/2012 với Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV. Thời hạn thuê 1 năm (từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012), mục đích thuê để cung cấp nước sạch trên địa bàn của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh



Nguyễn Xuân Cầu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>363.642.534.410</b>	<b>314.744.612.894</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	20	61.566.790	111.497.860
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>363.580.967.620</b>	<b>314.633.115.034</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	243.111.937.754	211.449.737.471
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>120.469.029.866</b>	<b>103.183.377.563</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.046.534.917	9.671.758.169
Chi phí tài chính	22	24	3.312.307.696	3.515.680.336
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.312.307.696</i>	<i>3.515.680.336</i>
Chi phí bán hàng	24	25	81.378.306.596	66.844.187.122
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	20.018.934.244	20.086.429.975
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>23.806.016.247</b>	<b>22.408.838.299</b>
Thu nhập khác	31	27	2.453.470.942	3.075.497.700
Chi phí khác	32	28	394.313.906	613.625.636
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>2.059.157.036</b>	<b>2.461.872.064</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>25.865.173.283</b>	<b>24.870.710.363</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	5.532.553.872	3.786.598.520
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>20.332.619.411</b>	<b>21.084.111.843</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.392	2.480

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh



Nguyễn Xuân Cầu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

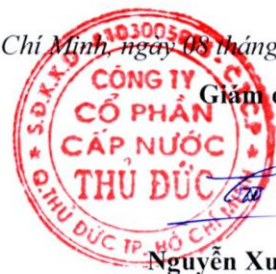
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>25.865.173.283</b>	<b>24.870.710.363</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		25.905.571.561	27.966.000.881
Các khoản dự phòng	3		742.228.333	176.467.905
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(8.041.540.018)	(9.671.758.169)
Chi phí lãi vay	6		3.312.307.696	3.515.680.336
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>47.783.740.855</b>	<b>46.857.101.316</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(5.187.005.928)	23.818.673.496
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(824.154.883)	(2.123.291.553)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		31.588.025.447	21.046.158.289
Tăng giảm chi phí trả trước	12		82.190.909	(92.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.391.966.489)	(3.681.261.474)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.610.091.273)	(4.168.019.175)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		23.755.614.234	3.149.553.962
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.759.658.229)	(2.871.353.849)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>82.436.694.643</b>	<b>81.935.561.012</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(71.585.731.145)	(66.123.832.647)
Tiền chi cho vay	23		(153.370.028.622)	(270.573.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		155.240.260.314	270.797.620.741
Tiền lãi đã nhận	27		5.178.548.917	8.009.553.846
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(64.536.950.536)</b>	<b>(57.890.158.060)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.547.430.996	7.356.951.587
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.350.531.850)	(10.316.707.669)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.197.097.300)	(10.148.827.680)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(18.000.198.154)</b>	<b>(13.108.583.762)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(100.454.047)</b>	<b>10.936.819.190</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>12.169.726.244</b>	<b>1.232.907.054</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>12.069.272.197</b>	<b>12.169.726.244</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Hạnh



Giám đốc

Nguyễn Xuân Cầu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 ngày 18/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 08 Khổng Tử, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 85.000.000.000 đồng, bao gồm:

Chủ sở hữu	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %
+ Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	43.350.000.000	51%
+ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	8.500.000.000	10%
+ Công ty Vof Investment Limited	25.500.000.000	30%
+ Vốn góp của các đối tượng khác	7.650.000.000	9%
<b>Cộng</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức hiện đang niêm yết chứng khoán tại sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã là TDW.

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (theo địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp nước (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm 2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (hoặc kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Hồng Từ, P. Bình Thới, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và tạm trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC, ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Số năm khấu hao</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc, thiết bị	05
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	05

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN*****Phần mềm máy vi tính và thiết bị độc mã vạch***

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa vào sử dụng. Các tài sản này được khấu hao trong 3 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

**3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí sửa chữa...

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

**Doanh thu hoạt động tài chính:**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.11 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

#### **3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **3.13 THUẾ**

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định lợi nhuận chịu thuế cũng như chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ, công văn 10235/CT-TTHT ngày 10/10/2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Ngoài ra, do Công ty thành lập và đầu tư vào ngành nghề thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư là Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp nên thuế suất thuế TNDN được áp dụng là 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động; được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo.

Các ngành nghề hoạt động có liên quan đến hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp tạo thu nhập là hoạt động kinh doanh nước sạch, hoạt động gắn đồng hồ nước sẽ được áp dụng chính sách ưu đãi thuế. Thu nhập liên quan đến các hoạt động khác không được hưởng chính sách ưu đãi thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kiểm toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Ghi nhận ban đầu**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Công cụ tài chính phức hợp**

Năm 2012, Công ty không phát sinh cũng như không có số dư cần được trình bày và công bố theo yêu cầu của công cụ tài chính phức hợp.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.308.326	50.909.128
Tiền gửi ngân hàng	12.067.963.871	12.118.817.116
<b>Cộng</b>	<b>12.069.272.197</b>	<b>12.169.726.244</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>		
Ngân hàng Công Thương	19.000.000.000	17.601.611.111
Ngân hàng NN&PT NT CN Thủ Đức	22.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Chợ Lớn	15.000.000.000	29.000.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Bình Phú	-	2.773.000.000
Ngân hàng NN&PT NT CN Miền Đông	1.000.000.000	3.707.823.500
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>61.000.000.000</b>	<b>61.082.434.611</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hoá	399.247.150	399.247.150
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn (*)	2.435.673.126	2.200.686.276
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.275.083.333	360.533.304
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	140.000.000	140.000.000
Chi phí thực hiện dự án di dời HTCN vành đai Tân Sơn Nhất	2.435.191.692	-
Phải thu khác	281.531.398	1.134.414.095
<b>Cộng</b>	<b>6.966.726.699</b>	<b>4.234.880.825</b>

(\*) Là các chi phí chi hộ Tổng Công ty phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa như chi phí gắn trụ cứu hỏa, chi phí gắn đồng hồ nước cho hộ nghèo, chi phí quản lý bồn nước...

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	12.994.229.860	12.210.833.159
Công cụ, dụng cụ	51.283.636	10.525.454
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	60.772.103	60.772.103
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>13.106.285.599</b>	<b>12.282.130.716</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(38.921.125)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	13.067.364.474	12.282.130.716

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	164.300.000	2.395.863.368
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>209.300.000</b>	<b>2.395.863.368</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trang bị điện thoại cho các chức danh quản lý của công ty	9.809.091	92.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.809.091</b>	<b>92.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dung cụ, quản lý		TSCĐ khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>												
Tại ngày 01/01/2012	2.169.522.200	3.339.903.401	318.883.220.642	993.680.400	13.380.000	325.399.706.643						
- Mua trong năm	270.602.091	525.072.670	-	169.620.914	-	965.295.675						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	42.279.811.649	-	-	42.279.811.649						
- Chuyển trả Tổng Công ty (*)	-	-	(19.838.805.767)	-	-	(19.838.805.767)						
- Giảm khác	-	(18.787.686)	(294.855.076)	-	-	(313.642.762)						
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>2.440.124.291</b>	<b>3.846.188.385</b>	<b>341.029.371.448</b>	<b>1.163.301.314</b>	<b>13.380.000</b>	<b>348.492.365.438</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Tại ngày 01/01/2012	1.448.091.466	2.620.316.143	152.544.470.224	599.578.660	13.380.000	157.225.836.493						
- Khấu hao trong năm	93.510.368	302.033.379	25.339.661.560	143.032.918	-	25.878.238.225						
- Chuyển trả Tổng Công ty (*)	-	-	(7.362.686.432)	-	-	(7.362.686.432)						
- Giảm khác	-	(8.484.759)	-	-	-	(8.484.759)						
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.541.601.834</b>	<b>2.913.864.763</b>	<b>170.521.445.352</b>	<b>742.611.578</b>	<b>13.380.000</b>	<b>175.732.903.527</b>						
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>												
Tại ngày 01/01/2012	721.430.734	719.587.258	166.338.750.418	394.101.740	-	168.173.870.150						
Tại ngày 31/12/2012	898.522.457	932.323.622	170.507.926.096	420.689.736	-	172.759.461.911						
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			33.943.411.567	đồng								

(\*) Trong năm, Công ty chuyển trả một số tài sản đã tạm tăng tài sản và khấu hao về Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn do các tài sản này trước đây Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn làm chủ đầu tư, giao cho Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức quản lý và sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, khấu hao trong 3 năm.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
<b>Tổng số chi phí XD CB dở dang</b>	<b>44.750.284.385</b>	<b>63.728.426.444</b>
Trong đó:		
<b>Chi phí xây dựng công trình</b>	<b>44.749.129.385</b>	<b>63.057.825.871</b>
- Di dời các TOCN PV DA đường nối TSN-B.Lợi Đoạn 1	3.196.731.531	-
- PTMLCN Lê Phài QL 13 P. Hiệp Bình Phước-QTĐ	4.865.808.208	-
- PKMLCN Đợt 4	3.974.865.923	-
- Phủ kín MLCN đợt 2	1.639.913.450	1.045.296.807
- Phủ kín mạng lưới cấp nước đợt 3	2.890.165.134	1.246.699.299
- PTMLCN KP4-P.Hiệp Bình Phước-Q.TĐ-năm 2008	2.662.397.810	-
- PTMLCN Quốc lộ 13 - P. Hiệp Bình Phước - QTĐ	6.150.443.063	-
- PTMLCN KP6-P.Hiệp Bình Phước-Q.TĐ-2008	6.554.508.814	-
- PTML Phường Phước Long A - Quận 9	1.145.903.444	1.145.903.444
- LĐTTO Khu công nghệ cao	-	2.234.165.576
- HTCN Khu TĐC P. Long Thạnh Mỹ Long Bình Q9	-	11.535.701.453
- PTMLCN P. Linh Chiểu - Đợt 1/2005	1.472.193.910	1.416.776.290
- PTMLCN đg 8 KP 1 & các hẻm P. Linh Xuân Q Thủ Đức	-	4.226.093.620
- SCOM D100 D150 Phường Thảo Điền Q2	-	4.943.213.041
- SCOM ống sâu đg Kha Vạn Cân (từ Cầu Ngang - CX)	-	2.730.283.525
- Phủ kín mạng lưới cấp nước tờ trình 936	1.319.818.536	1.319.818.536
- Các công trình khác	8.876.379.562	31.213.874.280
<b>Xây dựng cơ bản - thiết bị</b>	<b>1.155.000</b>	<b>1.155.000</b>
<b>Đồng hồ tổng</b>	<b>-</b>	<b>669.445.573</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.602.877.500	2.680.414.902
Thuế thu nhập cá nhân	275.445.913	189.893.967
<b>Cộng</b>	<b>1.878.323.413</b>	<b>2.870.308.869</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Cải tạo ống mục	-	9.825.988.939
Chi phí thuê nhân công	269.064.450	6.239.929.461
Khác	40.080.852	886.053.239
<b>Cộng</b>	<b>309.145.302</b>	<b>16.951.971.639</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	27.265.457	27.265.457
Kinh phí công đoàn	130.236.516	91.118.306
Bảo hiểm y tế	9.105	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	915.775.851	1.238.284.314
Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	1.060.338.432	1.060.338.432
Cổ tức phải trả	84.444.646	81.246.795
Phí bảo vệ môi trường	3.506.371.418	3.083.676.535
Chi phí tự thực hiện	3.852.165.019	2.476.768.340
CT CP HTKT TPHCM	22.838.430.783	-
Khu QLGT đô thị số 1	12.904.761.716	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	979.557.502	975.784.512
<b>Cộng</b>	<b>46.299.356.445</b>	<b>9.034.482.691</b>

**16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (\*)**

	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
Phải trả về đầu tư XD CB	-	30.267.158.250
Phải trả về giá trị viện trợ	33.003.950	6.477.896.668
Phải trả dài hạn khác	55.358.791.803	50.344.411.797
<b>Cộng</b>	<b>55.391.795.753</b>	<b>87.089.466.715</b>

(\*): Là các khoản phải trả với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (\*)**

(\*) Theo biên bản họp ngày 25/12/2012 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV thì Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã chuyển trả tài sản cố định với tổng giá trị là 18.698.035.830 đồng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị là 13.749.110.821 đồng về cho Tổng Công ty. Đồng thời, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã ghi nhận giảm tài sản và giảm khoản công nợ phải trả cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV trong năm 2012 với số tiền tương ứng. Tuy nhiên theo biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại 31/12/2012 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV thì Tổng công ty mới ghi nhận khoản nhận bàn giao tài sản cố định trong năm 2012 và sẽ ghi nhận khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị là 13.749.110.821 đồng trong năm 2013.

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Là các khoản vay Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn theo từng hợp đồng vay cụ thể, mức lãi suất từ 5,4%/năm đến 11,4%/ năm. Thời gian vay thay đổi tùy theo từng hợp đồng vay, thời gian ân hạn là 1 năm. Mục đích vay là đầu tư phát triển mạng cấp 3. Các khoản vay này không yêu cầu tài sản thế chấp.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	43.350.000.000	43.350.000.000
+ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	8.500.000.000	8.500.000.000
+ Công ty Vof Investment Limited	25.500.000.000	25.500.000.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	7.650.000.000	7.650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>

**18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>
+ Vốn góp đầu năm	85.000.000.000	85.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	85.000.000.000	85.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm</b>	<b>10.197.097.300</b>	<b>10.148.827.680</b>

**18.3 CỔ TỨC**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	10.200.000.000	10.200.000.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	10.200.000.000	10.200.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>6.735.994.640</b>	<b>2.512.599.393</b>	<b>18.944.740.367</b>	<b>113.193.334.400</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	21.084.111.843	21.084.111.843
- Trích lập các quỹ	-	2.981.764.619	1.883.109.231	(4.864.873.850)	-
- Thuế TNDN được miễn giảm năm 2011	-	1.745.759.101	-	(1.745.759.101)	-
- Thuế TNDN phải nộp cho năm 2010 dựa theo báo cáo kiểm toán nhà nước.	-	-	-	(1.488.695.911)	(1.488.695.911)
- Trích bổ sung do chậm nộp thuế năm 2010 theo báo cáo kiểm toán nhà nước	-	-	-	(258.288.741)	(258.288.741)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2010	-	-	-	(3.304.856.701)	(3.304.856.701)
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2010	-	-	-	(461.361.762)	(461.361.762)
- Chia cổ tức	-	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>11.463.518.360</b>	<b>4.395.708.624</b>	<b>17.705.016.144</b>	<b>118.564.243.128</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>11.463.518.360</b>	<b>4.395.708.624</b>	<b>17.705.016.144</b>	<b>118.564.243.128</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	20.332.619.411	20.332.619.411
- Trích lập các quỹ (*)	-	3.329.113.415	1.770.501.614	(5.099.615.029)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(3.363.953.066)	(3.363.953.066)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>14.792.631.775</b>	<b>6.166.210.238</b>	<b>19.374.067.460</b>	<b>125.332.909.473</b>

(\*) Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 22/NQ-DHĐCĐ ngày 18/04/2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Hồng Từ, P. Bình Thới, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.5 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**18.6 CÁC QUỸ**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	14.792.631.775	11.463.518.360
Quỹ dự phòng tài chính	6.166.210.238	4.395.708.624

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>363.642.534.410</b>	<b>314.744.612.894</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu cung cấp nước	357.209.794.862	306.479.324.796
+ Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước	6.303.606.183	8.161.309.244
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.133.365	103.978.854

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>61.566.790</b>	<b>111.497.860</b>
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	6.164.822	19.458.029
+ Hàng bán bị trả lại	55.401.968	92.039.831

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>363.580.967.620</b>	<b>314.633.115.034</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu cung cấp nước	357.157.953.216	306.452.210.747
+ Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước	6.293.881.039	8.076.925.433
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.133.365	103.978.854

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn cung cấp nước	238.574.433.045	204.864.791.859
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước	4.537.504.709	6.584.945.612
<b>Cộng</b>	<b>243.111.937.754</b>	<b>211.449.737.471</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.046.534.917	9.671.758.169
<b>Cộng</b>	<b>8.046.534.917</b>	<b>9.671.758.169</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	3.312.307.696	3.515.680.336
<b>Cộng</b>	<b>3.312.307.696</b>	<b>3.515.680.336</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	29.835.689.221	25.367.497.808
Chi phí nguyên vật liệu	22.025.291.237	12.034.703.755
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.641.694.939	27.726.952.203
Chi phí thuê tài sản	1.869.803.583	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	776.734.071	213.832.435
Chi phí bằng tiền khác	1.229.093.545	1.501.200.921
<b>Cộng</b>	<b>81.378.306.596</b>	<b>66.844.187.122</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	12.219.299.292	12.026.143.371
Chi phí đồ dùng văn phòng	409.660.364	648.119.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.876.622	239.048.678
Thuế phí, lệ phí	28.307.952	33.860.070
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	703.307.208	393.539.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.777.323.772	2.214.276.538
Chi phí bằng tiền khác	3.224.951.416	4.531.442.982
Chi phí khác	392.207.618	-
<b>Cộng</b>	<b>20.018.934.244</b>	<b>20.086.429.975</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	561.254.197	-
Phạt vi phạm hợp đồng	11.537.521	45.814.241
Nhượng bán vật tư ngành nước	63.752.556	627.479.292
Truy thu tiền nước	1.530.589.744	2.216.009.923
Thu tiền kiểm định đồng hồ nước	47.803.760	30.076.440
Thu nhập khác	238.533.164	156.117.804
<b>Cộng</b>	<b>2.453.470.942</b>	<b>3.075.497.700</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhượng bán vật tư ngành nước	66.412.882	603.611.090
Chi phí cho công tác truy thu tiền nước	295.817.495	454.546
Chi phí khắc phục sự cố bể đường ống nước	16.000.000	6.865.000
Chi phí khác	16.083.529	2.695.000
<b>Cộng</b>	<b>394.313.906</b>	<b>613.625.636</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thới, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>25.865.173.283</b>	<b>24.870.710.363</b>
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế	99.250.000	68.350.000
Tổng thu nhập chịu thuế, trong đó:	25.964.423.283	24.939.060.363
Thu nhập chịu thuế thuế suất 20%	19.171.039.026	16.321.110.466
Thu nhập chịu thuế thuế suất 25%	6.793.384.257	8.617.949.897
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành, trong đó:</b>	<b>6.491.105.823</b>	<b>5.418.709.567</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm	958.551.951	1.632.111.047
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</b>	<b>5.532.553.872</b>	<b>3.786.598.520</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>5.532.553.872</b>	<b>3.786.598.520</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>20.332.619.411</b>	<b>21.084.111.843</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>20.332.619.411</b>	<b>21.084.111.843</b>
Số cổ phiếu bình quân	8.500.000	8.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.392</b>	<b>2.480</b>

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.069.272.197	12.169.726.244
Đầu tư ngắn hạn	61.000.000.000	61.082.434.611
Phải thu khách hàng	4.926.787.011	4.728.757.114
Các khoản phải thu khác	6.966.726.699	4.234.880.825
<b>Cộng</b>	<b>84.962.785.907</b>	<b>82.215.798.794</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả cho người bán	27.143.327.504	16.247.731.881
Phải trả dài hạn người bán	7.451.867.726	-
Vay và nợ	46.603.210.039	54.406.310.893
Các khoản phải trả khác	46.299.356.445	9.034.482.691
Phải trả dài hạn khác	55.391.795.753	87.089.466.715
<b>Cộng</b>	<b>182.889.557.467</b>	<b>166.777.992.180</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

**Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)**

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Không Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại 31/12/2012</b>			
Phải trả người bán	27.143.327.504	7.451.867.726	34.595.195.230
Các khoản vay	10.550.828.000	36.052.382.039	46.603.210.039
Nợ tài chính khác	46.299.356.445	55.391.795.753	101.691.152.198
<b>Cộng</b>	<b>83.993.511.949</b>	<b>98.896.045.518</b>	<b>182.889.557.467</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>			
Phải trả người bán	16.247.731.881	-	16.247.731.881
Các khoản vay	10.350.531.850	44.055.779.043	54.406.310.893
Nợ tài chính khác	9.034.482.691	87.089.466.715	96.123.949.406
<b>Cộng</b>	<b>35.632.746.422</b>	<b>131.145.245.758</b>	<b>166.777.992.180</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 đến 2 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại 31/12/2012</b>			
Tiền và tương đương tiền	12.069.272.197	-	12.069.272.197
Đầu tư ngắn hạn	61.000.000.000	-	61.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.926.787.011	-	4.926.787.011
Tài sản tài chính khác	6.966.726.699	-	6.966.726.699
<b>Cộng</b>	<b>84.962.785.907</b>	<b>-</b>	<b>84.962.785.907</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>			
Tiền và tương đương tiền	12.169.726.244	-	12.169.726.244
Đầu tư ngắn hạn	61.082.434.611	-	61.082.434.611
Phải thu khách hàng	4.728.757.114	-	4.728.757.114
Tài sản tài chính khác	4.234.880.825	-	4.234.880.825
<b>Cộng</b>	<b>82.215.798.794</b>	<b>-</b>	<b>82.215.798.794</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tình hình doanh thu lợi nhuận theo ngành nghề của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Cấp nước	Lắp đặt đồng hồ và dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>			
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>357.209.794.862</b>	<b>6.432.739.548</b>	<b>363.642.534.410</b>
+ Giảm trừ doanh thu	51.841.646	9.725.144	61.566.790
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	357.157.953.216	6.423.014.404	363.580.967.620
Giá vốn hàng bán	238.574.433.045	4.537.504.709	243.111.937.754
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>118.583.520.171</b>	<b>1.885.509.695</b>	<b>120.469.029.866</b>
Tỷ trọng			
+ Doanh thu thuần	98%	2%	100%
+ Lợi nhuận gộp	98%	2%	100%

Đối với khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt kinh doanh Công ty không theo dõi riêng biệt theo từng bộ phận.

**33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, các Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn và Công ty Vof investment Limited. Trong năm, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với bên liên quan cụ thể như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>243.639.106.124</b>	<b>211.605.113.529</b>
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	243.639.106.124	204.573.752.857
<b>Lãi vay từ các bên liên quan</b>	<b>3.312.307.696</b>	<b>3.515.680.336</b>
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	3.312.307.696	3.515.680.336

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TPHCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
<b>Phải thu khác</b>		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	2.435.673.126	2.200.686.276
<b>Trả trước người bán</b>		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	47.998.743	-
<b>Phải trả cho người bán</b>		
- Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn	28.816.694.499	12.989.458.663
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	1.060.338.432	1.060.338.432
<b>Phải trả khác dài hạn</b>		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	55.391.795.753	87.089.466.715
<b>Các khoản vay</b>		
- Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	46.603.210.039	54.406.310.893

**33.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã được kiểm toán.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh



Nguyễn Xuân Cầu

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCK Tp.HCM;
- HDQT;
- BKS;
- BGD;
- Lưu.



**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Xuân Cầu**